

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/DS-PT

Ngày 06-4-2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyền; bà Lê Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Phạm Văn Sơn, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 76/2017/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1923, đã chết trong quá trình tham gia tố tụng.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K:

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1966; cư trú tại: Khu phố B, Phường B1, thành phố T1, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

+ Bà Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1960;

+ Bà Lê Thị Tuyết H1, sinh năm 1968;

Cùng cư trú tại: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

+ Bà Lê Thị D, sinh năm 1952; cư trú tại: Phường S, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1, bà Lê Thị D: Ông Lê Văn H, sinh năm 1966; cư trú tại: Khu phố B, phường B1, thành phố T1, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền ngày 20-3-2017, văn bản ủy quyền ngày 05-4-2018.

- Bị đơn: Bà Hà Thị D1, sinh năm 1963; anh Lê Hoàng L1, sinh năm 1984; cùng cư trú tại: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Lê Hòa L2 - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, theo văn bản ủy quyền ngày 30-8-2017; yêu cầu xét xử vắng mặt;

+ Ông Lê Văn T, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp M, xã P2, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

+ Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp G1, xã M1, huyện Đ1, tỉnh Long An; vắng mặt;

+ Bà Lê Thị Tuyết T1, sinh năm 1960; cư trú tại: Phường N1, Quận N2, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

+ Ông Lê Văn T2, sinh năm 1952; bà Lâm Thị D2, sinh 1953; cùng cư trú tại: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh; ông T2 có mặt, bà D2 vắng mặt;

+ Ông Lê Vũ P, sinh năm 1973; bà Phạm Thị M1, sinh năm 1972; cùng cư trú tại: Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K và trong quá trình tham gia tố tụng, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K là ông Lê Văn H trình bày:

Vào năm 1974, cha của ông là ông Lê Văn T3 được các anh, chị em trong đó có ông Lê Văn T4 là cha của ông Lê Văn S chia cho phần đất khoảng 02 ha, tọa lạc tại Ấp P1, xã P, huyện T, việc chia đất chỉ hợp mặt nhau chia, không làm giấy tờ. Gia đình ông sử dụng đất từ năm 1974 đến năm 1991 thì bị ông T5 (con rể ông Q), ông Lê Văn X, ông Lê Văn S dùng vũ lực chiếm lấy và canh tác.

Phần đất bị ông S chiếm là 6.632 m² gồm 04 thửa: 454, 455, 604, 605. Sau khi chiếm đất, ông S chỉ sử dụng 2.319 m², còn lại 4.311 m² đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn T2 và anh Lê Vũ P.

Năm 1991, ông T3 khiếu nại, Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, nội dung bác đơn khiếu nại của ông T3. Không đồng ý với quyết định này, ông T3 tiếp tục khiếu nại, đến năm 2001 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số: 753/QĐ-UB ngày 21-12-2001, thu hồi Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, của Ủy ban nhân dân xã P. Do đất đang tranh chấp ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nên phải khởi kiện tại Tòa án.

Ông T3 đã chết vào năm 1995 nên vợ ông T3 là bà Nguyễn Thị K đứng đơn khởi kiện, từ năm 2006 đến nay Tòa án đã xét xử nhiều lần nhưng bản án bị hủy theo trình tự giám đốc thẩm, hiện Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Bà K chết vào ngày 03-4-2015 nên các con gồm: Bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1, bà Lê Thị D và ông, kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K tiếp tục khởi kiện, do ông S đã chết nên yêu cầu vợ, con của ông S là bà Hà Thị D1 và anh Lê Hoàng L1, những người nhận chuyển nhượng đất từ ông S, bà D1 là ông Lê Văn T2 và vợ là Lâm Thị D2; ông Lê Vũ P và vợ là Phạm Thị M1 phải trả lại phần đất diện tích 4.311 m²; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01026 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông T2 đứng tên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất đã chuyển nhượng cho ông P, bà M1 có diện tích đo đạc thực tế là 1.892,68 m², thuộc thửa 59 và một phần thửa đất 55 (thửa cũ: 604, 605), tờ bản đồ số 13 (năm 2005).

Bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1 ủy quyền cho ông tham gia tố tụng, ý kiến của ông cũng là ý kiến của họ.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K – bà Lê Thị D trình bày:

Bà là con riêng của bà K, ông Lê Văn T3 là cha đẻ, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả đất cho bà K để các con của bà K được hưởng, riêng bà không yêu cầu được hưởng, không yêu cầu chia đối với phần đất tranh chấp.

Bị đơn - bà Hà Thị D1 trình bày:

Từ năm 1980 bà về chung sống với ông S, có nghe cha chồng là ông Lê Văn T4 nói trước đây có cho chồng bà K là ông T3 mượn hai thửa đất 454, 455 để canh tác, còn hai thửa 604, 605 để lại gieo mạ. Ông T4 chết để đất lại cho vợ chồng bà tiếp tục canh tác. Đến năm 1991, ông S lấy đất lại để canh tác, năm 1993 chuyển nhượng cho ông T2 thửa 454, còn lại thửa 455 vợ chồng bà canh tác đến khi Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết buộc vợ chồng bà trả cho bà K vào năm 2001.

Đối với hai thửa đất 604, 605 vợ chồng bà đã đăng ký nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho anh P hai thửa đất này.

Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K và các con bà K vì là đất của vợ chồng bà và đã chuyển nhượng.

Bị đơn - anh Lê Hoàng L1 trình bày:

Anh là con của ông S và bà D1, thống nhất theo ý kiến của bà D1, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- ông Lê Văn T2 trình bày:

Việc tranh chấp giữa bà K và ông S ông có biết, có tham gia hòa giải tại ấp. Theo Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, của Ủy ban nhân dân xã P thì bà K phải trả đất cho ông S. Sau khi nhận lại đất, ông S canh tác được hai năm thì chuyển nhượng lại cho ông, ông đã kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993. Ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất vì nhận

chuyển nhượng hợp pháp. Nếu Tòa án buộc bà D1 trả đất cho bà K thì bà D1 phải trả cho ông phần đất khác với giá trị tương đương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lâm Thị D2 trình bày:

Bà là vợ của ông T2, thống nhất lời trình bày và có cùng yêu cầu với ông T2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Vũ P trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội ông là ông T4 để lại. Sau khi giải quyết tranh chấp giữa bà K với ông S xong thì đến năm 2001, ông S chuyển nhượng lại cho ông 02 thửa: 604, 605, đã có giấy chứng nhận loại giấy trắng trước đây, ông đã xin cấp đổi giấy chứng nhận nhưng do bị tranh chấp nên đến nay chưa được cấp đổi. Do nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện phần đất ông đang sử dụng nên ông chấp nhận, yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị M1 trình bày:

Bà là vợ của ông P, thống nhất theo yêu cầu với ông P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện T do ông Lê Hòa L2 đại diện, có văn bản trình bày:

Bà K không chỉ khởi kiện đòi với phần đất ông S, bà D1 đã sử dụng mà còn khởi kiện 02 phần đất khác. Ủy ban nhân dân huyện T xác định nguồn gốc các phần đất mà bà Nguyễn Thị K đang tranh chấp như sau:

Ông Lê Văn N1 và vợ là bà Dương Thị N2 thừa hưởng của cha mẹ để lại khoảng 89 ha đất. Ông N1, bà N2 có tất cả 07 người con, số đất này chia cho 06 người, riêng người con út là Lê Văn T3 thoát ly gia đình đi tham gia cách mạng từ năm 1945 nên không chia.

Năm 1974 ông T3 trở về, anh, chị, em của ông T3 cùng thỏa thuận chia đất cho ông T3, cụ thể là: Ông Lê Văn R giao 6.445 m², ông Lê Văn T4 giao 6.851 m², ông Lê Văn Q giao 7.378 m², tổng cộng là 20.657 m².

Đến năm 1977, ông T4 mượn lại 2.474 m² đất để gieo mạ và sử dụng. Diện tích còn lại là 18.200 m² gia đình ông T3 tiếp tục sử dụng đến năm 1991 thì ông Lê Văn T4, Lê Văn X, Lê Văn S lấy lại.

Trong năm 1991, ông T3 khiếu nại yêu cầu giải quyết, Ủy ban nhân dân xã P đã ban hành Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, nội dung thu hồi đất của ông T3 để giao lại cho ông K1, ông T4, ông Q vì cho rằng trước đây ông K1, ông T4 và ông Q chỉ tạm cho ông T3 mượn sử dụng. Ông T3 không đồng ý và tiếp tục khiếu nại lên cấp trên. Trong khi vụ án chưa được giải quyết thì năm 1993, ông Lê Quang V, ông Lê Văn X đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng ông Lê Văn S sau khi lấy lại đất đã đổi một phần đất diện tích 2.058 m² cho ông Lê Văn T2 và ông T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

Ông T3 chết, vợ là bà Nguyễn Thị K tiếp tục khiếu nại. Năm 2001, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số: 753/QĐ-UB ngày 21-12-2001, về việc

giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà K với ông S với nội dung công nhận phần đất diện tích 2.319 m² thuộc quyền sử dụng của bà K; phần đất còn lại có tổng diện tích 15.881 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X, ông V, ông T2 thì đề nghị bà K khởi kiện tại Tòa án để giải quyết theo thẩm quyền.

Từ năm 1975 đến 1991, gia đình ông T3 đã cải tạo và sử dụng phần đất diện tích 18.200 m² nêu trên liên tục 16 năm, có nộp thuế cho Nhà nước. Việc Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, thu hồi đất của ông T3 đang sử dụng là trái với quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số: 13HĐBT ngày 01-02-1989, của Hội đồng Bộ trưởng về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất.

Căn cứ Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, Ủy ban nhân dân xã P cho kê khai đăng ký và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, ông X, ông T2 trong khi đất còn đang tranh chấp là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993.

Đối với phần diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông X, ông V có chênh lệch so với diện tích thực tế hiện nay là do trước đây cấp giấy theo bản đồ 299 (Bản đồ không ảnh) nên diện tích không chuẩn xác, phần diện tích chênh lệch đó là sai số giữa hai lần đo nên xem như đã được cấp giấy theo bản đồ đo lưới hiện nay.

Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số: 753/QĐ-UB ngày 21-12-2001, thu hồi Quyết định số: 02/QĐ-UB ngày 29-02-1992, của Ủy ban nhân dân xã P và công nhận phần đất 2.319 m² do ông Lê Văn S đang quản lý cho bà K được quyền sử dụng.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện T là bà Nguyễn Thị K là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần diện tích đất đang tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Lê Thị Tuyết N trình bày:

Bà là con riêng của ông Lê Văn T3. Ông T3 và mẹ bà là Lê Điều N3 chung sống có 05 người con chung gồm: Lê Văn T, Lê Thị Tuyết N, Lê Thị Tuyết T1, Lê Thị Tuyết N4, Lê Văn S1. Riêng bà Lê Thị Tuyết N4 và ông Lê Văn S1 đã bỏ địa phương đi từ nhiều năm nay, không rõ tung tích.

Trong thời gian thoát ly gia đình, tham gia cách mạng, ông T3 đã được anh, chị, em chia cho 4,5 ha đất ruộng tại B2, Ủy ban nhân dân xã P mượn để canh tác, đến năm 1991 thì trả lại, lúc này ông T3 đã về. Sau khi nhận lại đất ông T3 đã chia cho các anh, chị, em của bà gồm Lê Văn T, Lê Thị Tuyết N, Lê Thị Tuyết T1, Lê Thị Tuyết N4 mỗi người 01 ha, còn 0,5 ha chia cho Lê Thị Tuyết H1 (con của ông T3 và bà Nguyễn Thị K), anh, chị, em bà đã chuyển nhượng đất cho người khác vì không có nhu cầu sử dụng.

Bà không yêu cầu chia phần đất bà K đang tranh chấp vì đã được ông T3 chia phần rồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Tuyết T1 trình bày:

Bà là con của ông Lê Văn T3 và bà Lê Điều N3. Thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Tuyết N, không yêu cầu chia phần đất đang tranh chấp vì đã được ông T3 cho đất tại B2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn T trình bày:

Ông là con của ông Lê Văn T3 và bà Lê Điều N3. Thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Tuyết N, không yêu cầu chia phần đất đang tranh chấp vì đã được ông T3 cho đất tại B2.

Quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bản án sơ thẩm số: 68/2006/DS-ST ngày 26-9-2006, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà K. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn kháng cáo;

Bản án phúc thẩm số: 316/2007/DS-PT ngày 21-9-2007, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K. Sau đó bà K khiếu nại;

Quyết định giám đốc thẩm số: 49/2011/DS-GĐT ngày 19-01-2011, của Tòa án nhân dân tối cao, hủy Bản án sơ thẩm số: 68/2006/DS-ST ngày 26-9-2006 và Bản án phúc thẩm số: 316/2007/DS-PT ngày 21-9-2007, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm;

Bản án sơ thẩm số: 147/2011/DS-ST ngày 20-9-2011, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng (sơ thẩm lần II), không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K. Bà K kháng cáo;

Bản án phúc thẩm số: 124/2013/DS-PT ngày 03-7-2013, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh (phúc thẩm lần II), không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Sau đó bà K khiếu nại;

Quyết định giám đốc thẩm số: 196/2016/DS-GĐT ngày 07-9-2016, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án sơ thẩm số: 147/2011/DS-ST ngày 20-9-2011 và Bản án phúc thẩm số: 124/2013/DS-PT ngày 03-7-2013, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Đất tranh chấp qua đo đạc, định giá xác định được như sau:

Diện tích thực tế là 2.316 m², thuộc thửa 54, bản đồ số 13 (bản đồ 2005), diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2.058 m², thuộc thửa 454, tờ bản đồ số 07 (Bản đồ 299); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01026 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Văn T2 đứng tên. Giá trị là 104.220.000 (một trăm lẻ bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2017/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Khoản 1 Điều 136 của Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với bà Hà Thị D1, anh Lê Hoàng L1 về việc tranh chấp quyền sử dụng phần đất diện tích 2.316 m², thuộc thửa 54, bản đồ số 13 (bản đồ 2005), tọa lạc ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh, do ông Lê Văn T2 đứng tên và đang sử dụng.

Không chấp nhận yêu cầu của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K gồm: Ông Lê Văn H, bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01026 ngày 17-12-1993 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Lê Văn T2.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với bà Hà Thị D1, anh Lê Hoàng L1 về việc tranh chấp quyền sử dụng phần đất diện tích 1.892,68 m², thuộc thửa 59 và một phần thửa 55, tờ bản đồ số 13 (bản đồ 2005), tọa lạc Ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh (phần đất này do ông Lê Vũ P và bà Phạm Thị M1 đang quản lý sử dụng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, ông Lê Văn H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định kháng nghị số: 30/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị D ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng, ông H giữ nguyên ý kiến của bà D là không yêu cầu được hưởng, không yêu cầu chia đối với phần đất tranh chấp.

Ông Lê Văn H và bà Hà Thị D1, anh Lê Hoàng L1, ông Lê Văn T2 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Ông Lê Văn T2, bà Lâm Thị D2 được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 2.316 m², thuộc thửa 54; tờ bản đồ số 13 (năm 2005), tương ứng thửa 454, tờ bản đồ số 07 (Bản đồ 299); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01026 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Văn T2 đứng tên; tọa lạc tại ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

Bà Hà Thị D1 và anh Lê Hoàng L1 giao cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K gồm: Lê Thị Tuyết L, Lê Thị Tuyết H1, Lê Văn H số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Trong đó: Bà D1, anh L1 giao 10.000.000 (mười triệu) đồng; ông Lê Văn T2 tự nguyện giao 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng thay cho bà D1, anh L1; đã giao nhận xong tại Tòa án.

Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01026 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Văn T2 đứng tên.

Về chi phí tố tụng khác: Ông H, bà L, bà H1 tự nguyện chịu 1.350.000 (một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền chi phí đo đạc, định giá; đã nộp xong.

Về án phí sơ thẩm: Bà D1, anh L1 chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp hành đúng nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K gồm: Bà Lê Thị Tuyết L, bà Lê Thị Tuyết H1 đã thỏa thuận được với bị đơn là bà Hà Thị D1, anh Lê Hoàng L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T2 về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của họ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án. Thuộc trường hợp theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Ông H đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị D giữ nguyên yêu cầu của bà D là không tranh chấp, không yêu cầu được hưởng đối với đất tranh chấp nên ghi nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 76/2017/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K đối với bà Hà Thị D1, anh Lê Hoàng L1 về việc tranh chấp quyền sử dụng phần đất diện tích 1.892,68 m², thuộc thửa 59 và một phần thửa 55, tờ bản đồ 13 (bản đồ 2005), tọa lạc ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh, ông Lê Vũ P và bà Phạm Thị M1 đang sử dụng.

3. Ghi nhận bà Lê Thị D không tranh chấp, không yêu cầu được hưởng đối với đất tranh chấp.

4. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn H và bà Hà Thị D1, anh Lê Hoàng L1, ông Lê Văn T2, cụ thể như sau:

4.1. Ông Lê Văn T2, bà Lâm Thị D2 được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 2.316 m², thuộc thửa 54; tờ bản đồ số 13 (năm 2005), tương ứng thửa 454, tờ bản đồ số 07 (Bản đồ 299); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01026 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Văn T2 đứng tên; tọa lạc tại ấp P1, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tứ cận: Đông giáp đất bà Nguyễn Thị K dài 63,80 m + 9,69 m; Tây giáp đường đất dài 62,53 m; Nam giáp đất anh P dài 36,13 m; Bắc giáp nương nước dài 37,62 m.

4.2. Bà Hà Thị D1 và anh Lê Hoàng L1 giao cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K gồm: Lê Thị Tuyết L, Lê Thị Tuyết H1, Lê Văn H số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng. Trong đó: Bà D1, anh L1 giao 10.000.000 (mười triệu) đồng; ông Lê Văn T2 tự nguyện giao 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng thay cho bà D1, anh L1; đã giao nhận xong tại Tòa án.

4.3. Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01026 ngày 17-12-1993, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp, ông Lê Văn T2 đứng tên.

4.4. Về chi phí tố tụng khác: Ông H, bà L, bà H1 tự nguyện chịu 1.350.000 (một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền chi phí đo đạc, định giá; đã nộp xong.

4.5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Hà Thị D1, anh Lê Hoàng L1 chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K, do ông Lê Văn H đại diện nhận 171.000 (một trăm bảy mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0002038 ngày 01-6-2006, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0009381 ngày 14-11-2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Đồng